

CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VI.1 VAI TRÒ VÀ CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP

VI.1.1 Vai trò của nông nghiệp.

Trong nền kinh tế quốc dân của mỗi nước, nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất quan trọng. Về mặt xã hội, nếu không có một nền nông nghiệp hiện đại sản xuất được nhiều sản phẩm nông nghiệp cung cấp cho xã hội thì việc phân công lao động trong xã hội sẽ bị hạn chế, công nghiệp chậm phát triển và sự phồn vinh của nền kinh tế xã hội sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Đối với phân bố công nghiệp, sản xuất nông nghiệp cũng có ý nghĩa quan trọng. Các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ có nhiều điều kiện thuận lợi để phân bố hợp lý các xí nghiệp sản xuất trong những vùng và khu vực mà ở đó sản xuất nông nghiệp đã tập trung, thâm canh, chuyên canh có tỷ trọng hàng hóa lớn.

- Đối với bản thân ngành nông nghiệp, nếu sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh, nhất là ngành sản xuất lương thực sẽ tạo thuận lợi để phân bố hợp lý cây công nghiệp, cây ăn trái, cây thực phẩm và ngành chăn nuôi.

- Nông nghiệp còn ảnh hưởng đến phân bố các ngành lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải và các ngành khác.

VI.1.2 Cơ cấu ngành nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp bao gồm hai ngành sản xuất chính là ngành trồng trọt và chăn nuôi. Song trong các ngành chính này sự phân chia thành các nhóm khác nhau.

□ Căn cứ vào giá trị sử dụng kinh tế của sản phẩm, người ta phân chia các loại cây trồng thành một số nhóm lớn :

- * Cây lương thực - hoa màu : lúa gạo, lúa mì, bắp, khoai,...

- * Cây thực phẩm: rau, đậu, cây ăn trái,...

- * Cây công nghiệp :

- Cây lấy đường: mía, củ cải đường, thốt nốt, cỏ mật,...

- Cây lấy dầu: dừa, lạc, vừng, đậu tương, cò, hướng dương

- Cây lấy sợi: bông, đay, gai, lanh, dừa sợi,...
- Cây lấy nhựa: cao su, thông,...
- Cây lấy chất kích thích: chè, cà phê, ca cao, thuốc lá,
- Cây lấy tinh dầu: bạc hà, xả xị,...

* Cây làm thức ăn cho gia súc: khoai nước, bèo,...

* Cây trang trí: hoa, cây cảnh,...

* Cây lấy gỗ.

□ Dựa vào các đặc điểm sinh thái của cây, người ta phân chia các loại cây trồng theo các nhóm :

- Cây trồng nhiệt đới.
- Cây trồng cận nhiệt đới.
- Cây trồng ôn đới.

Hay: • Cây ưa nhiệt.

- Cây ưa ẩm.
- Cây chịu hạn...

□ Dựa vào quá trình sinh trưởng của các loại cây trồng, người ta cũng chia các cây trồng thành các nhóm :

- Các cây lâu năm: dừa, cao su, cà phê, chè,....
- Các cây hàng năm: cây lương thực, bông, đay,, dâu tằm,...

Đối với ngành chăn nuôi có 3 nhóm chính:

- Chăn nuôi gia súc : trâu, bò, heo,...
- Chăn nuôi gia cầm : gà, vịt, ngan, ngỗng,...
- Nuôi thủy, hải sản : tôm, cua, cá, baba,...

Song nói chung, cơ cấu ngành nông nghiệp có 3 nhóm chính : Trồng cây lương thực, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi.

VI.2 CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

VI.2.1 Các yếu tố tự nhiên

a) Khí hậu : Sự phát triển và phân bố nông nghiệp chịu ảnh hưởng sâu sắc của yếu tố khí hậu. Sự khác biệt về khí hậu giữa các nước, các vùng thường thể hiện trong sự phân bố các loại cây trồng và vật nuôi. Một số nhà khoa học đã phat

hiện và biểu thị mối quan hệ giữa cường độ gia tăng tổng sinh khối (biomas) với nhiệt độ, độ ẩm, cường độ chiếu sáng của mặt trời.

Thí dụ theo chỉ số Paterson ước tính sinh khối thực vật sản sinh ra ở các đai khí hậu như sau:

- Vành đai trên 50 vĩ độ (hàn đới) : 30 tấn/ha/năm
- Vành đai 25 đến 50 vĩ độ (ôn đới) : 50 tấn/ha/năm
- Vành đai 10 đến 25 vĩ độ (nhiệt đới) : 120 tấn/ha/năm
- Vành đai dưới 10 vĩ độ (xích đới) : > 120 tấn/ha/năm

b) **Yếu tố thổ nhưỡng** : Thổ nhưỡng là lớp đất có khả năng tái sinh sản thực vật. Đó là kết quả của những tác động giữa các yếu tố tự nhiên của một vùng đặc biệt là khí hậu nham thạch phong hóa và địa hình tạo nên. Trên những loại thổ nhưỡng khác nhau thường có những lớp thực vật thích ứng. Do đó thổ nhưỡng trở thành một trong những yếu tố tự nhiên quan trọng làm cơ sở cho sự phân bố các loại cây trồng.

c) **Nguồn nước** : Nguồn nước trong các nơi chứa: sông, hồ, nước ngầm đóng vai trò quan trọng đến sự phát triển và phân bố các loại cây trồng và vật nuôi, đặc biệt là các loại cây trồng, vật nuôi ưa nước. Sông ngòi còn có tác dụng bồi đắp phù sa tạo nên các vùng đất trồng và nơi chăn nuôi mới.

VI.2.2 Các yếu tố kinh tế - xã hội

Sự phát triển các ngành sản xuất khác nhau, đặc biệt là ngành công nghiệp và giao thông vận tải tạo điều kiện phát triển nhanh và mạnh ngành nông nghiệp. Tiến bộ khoa học và kỹ thuật như tiến bộ trong công nghệ sinh học tạo ra các giống gen. giống mới hay phân bón sinh học cũng tạo điều kiện nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng - vật nuôi. Cải cách chính sách về ruộng đất, qui hoạch các điểm dân cư cũng tạo điều kiện nâng cao sự phát triển và phân bố sản xuất nông nghiệp.

VI.3 NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

VI.3.1 Đất đai là tư liệu sản xuất chính của nông nghiệp

Phân bố nông nghiệp phải chú ý hết sức tới việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm đất đai: đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu nhất trong nông nghiệp. Sử dụng hợp lý và tiết kiệm đất đai trong nông nghiệp cụ thể là: vừa khai thác vừa bảo vệ, cải tạo bồi dưỡng đất đai bằng các biện pháp kỹ thuật, phân bố các loại cây trồng và gia súc thích hợp nhất với điều kiện và tính chất đất đai, ưu tiên dành các diện tích màu

mở cho các xí nghiệp nông nghiệp và bố trí dân cư trên diện tích đất xấu, ít có giá trị nông nghiệp.

Nước ta có bình quân diện tích đất canh tác theo đầu người vào loại thấp trên thế giới (0,1 ha/ người, trong khi mức bình quân của toàn thế giới là 0,34 ha/ người) vì vậy càng phải coi trọng việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm đất đai, nhất là những diện tích có giá trị canh tác cao.

VI.3.2 Sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ

Trong sản xuất nông nghiệp thời gian lao động luôn ngắn hơn thời gian sản xuất. Mỗi loại sinh vật đều phát triển theo mùa và đòi hỏi những thời hạn sinh trưởng nhất định, trong thời gian ấy, sinh vật có thể tự phát triển và có những giai đoạn không cần tới sự thao tác của con người, vì vậy lao động nông nghiệp thường có những lúc dồn dập khẩn trương (thời vụ) và những lúc rỗi rãi (nông nhàn).

Để giảm bớt tính chất thời vụ, sử dụng tiết kiệm và triệt để các nguồn lao động ở nông thôn, mỗi vùng nông nghiệp cần phải xây dựng một cơ cấu cây trồng và gia súc hợp lý, kết hợp theo thời vụ và lao động, kết hợp tăng vụ, rải vụ, kết hợp nông nghiệp với lâm ngư nghiệp thủ công, nghề phụ, kết hợp sản xuất với xây dựng, giao thông thủy lợi.

VI.3.3 Sản xuất nông nghiệp gắn liền với công nghiệp chế biến

Chính vì vậy, khi phân bố nông nghiệp phải chú ý tới việc hình thành các chu trình đó và xây dựng các liên kết nông - công nghiệp theo lãnh thổ vùng.

Trên con đường hiện đại hóa nông nghiệp, các khu vực sản xuất nông nghiệp có xu hướng liên kết với các xí nghiệp công nghiệp chế biến trong các chu trình sản xuất nông - công nghiệp, do đó hình thành các cụm xí nghiệp, các tổ hợp xí nghiệp nông - công nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao, làm tăng giá trị các sản xuất nông nghiệp, tăng mức độ chuyên môn hóa sản xuất vùng, đưa công nghiệp về với nông nghiệp giảm bớt tính thời vụ và sử dụng hợp lý các nguồn lao động.

VI.4 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VI.4.1 Quỹ đất cho sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng

Quỹ đất đai nông nghiệp được mở rộng nhờ khai hoang, phục hóa, thau chua, rửa mặn, tháo úng, lấn biển, kết hợp với thâm canh tăng vụ. Năm 1993, tài liệu điều tra đất cho biết trên cả nước có 9,98 triệu ha đất đã đưa vào sản xuất nông nghiệp, chiếm hơn 30% diện tích cả nước, chủ yếu là đất trồng cây hàng năm (89,2% diện tích đã sử dụng vào nông nghiệp) cây lâu năm chỉ chiếm 10,8% diện

tích đã được sử dụng...Ngoài diện tích đã sử dụng chúng ta còn có 3,6% triệu ha đất có khả năng nông nghiệp có thể khai hoang, cải tạo để đưa vào sử dụng trong nông nghiệp.

VI.4.2 Cơ cấu ngành có sự chuyển hướng

Cơ cấu ngành nông nghiệp thay đổi theo hướng phát triển toàn diện, xóa bỏ độc canh, từng bước xây dựng các vùng chuyên canh lớn làm cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Thực hiện phát triển toàn diện nền nông nghiệp, ngay từ những năm 60, ở miền Bắc chúng ta đã chú trọng việc phát triển chăn nuôi, nhằm đưa chăn nuôi lên nguồn sản xuất chính.

Cơ cấu giá trị tổng sản lượng nông nghiệp đã thay đổi (theo %):

	1939	1976	1990	1993
Trồng trọt	84,4	80,7	75,3	74,0
Chăn nuôi	15,6	19,3	24,7	26,0

Diện tích cây công nghiệp tăng lên trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng (cây công nghiệp tính bao gồm cả diện tích cây hàng năm, cây lâu năm và cây ăn quả), theo % :

	1976	1980	1990	1993
	8,00	10,3	16,4	17,0

Về cơ cấu cây lương thực thì tỷ trọng cây hoa màu, tỷ trọng lúa trong sản lượng và diện tích cây lương thực diễn tiến như sau qua các giai đoạn :

	1980	1990	1993
Sản lượng lúa (quy thóc) (% SLLT)	80,8	88,9	87,5
Diện tích lúa: (% DTLT)	79,5	84,1	84,6

VI.4.3 Các vùng nông nghiệp chủ yếu

Theo phương án phân vùng nông nghiệp của Việt Nam, cả nước có 7 vùng nông nghiệp như sau :

Các vùng kinh tế nông nghiệp của Việt Nam (ngàn ha)

	Diện tích	DT đã sử dụng	DT có khả
--	-----------	---------------	-----------

		vào nông nghiệp	năng nông nghiệp
Vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ	9.824	1.185	560
Đồng bằng sông Hồng	1.743	821	83
Khu bốn cũ	5.198	774	415
Duyên hải Trung bộ	4.507	590	398
Tây Nguyên	5.527	347	1.120
Đông Nam Bộ	2.367	707	427
Đồng bằng sông Cửu Long	3.995	2.529	600
Tổng số	33.161	6.953	3.603

Sản phẩm chính của các vùng :

- Vùng 1: chè, cây lấy dầu, cây ăn quả, rau màu, lúa, đại gia súc, gia cầm...
- Vùng 2: lúa, màu, đay, cói, mía, dâu tằm, chè, cây ăn quả, heo, gà, trâu, bò...
- Vùng 3: cam, dừa, lạc, trâu, sỏ, chè, ca phê, hồ tiêu, cây lương thực, trâu bò, lợn, gia cầm,...
- Vùng 4: bông, màu, lúa, mía, dừa, dâu, cây ăn quả, heo, gia cầm, bò đàn,...
- Vùng 5: cao su, lúa, cà phê, ca cao, cây ăn trái, dâu tằm, chè, rau, bò sữa,...
- Vùng 6: lúa, ngô, đậu tương, sắn, mía, cao su, cây ăn quả, rau, bò (thịt, sữa), heo, gia cầm,...
- Vùng 7: lúa, ngô, đỗ tương, đay, cói, cây ăn trái; heo, gia cầm, cá tôm,...

VI.5 NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CÁC NGÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

VI.5.1 Ngành trồng cây lương thực:

Cây lương thực chủ yếu của nước ta là cây lúa nước. Là cây lương thực có truyền thống lâu đời và chủ lực hiện nay của Việt Nam.

a) Vai trò của cây lương thực : Sản xuất lương thực là ngành cơ bản, quan trọng nhất trong nông nghiệp.

- Sản xuất lương thực trước hết bảo đảm nguồn thức ăn tinh bột cho toàn bộ dân cư trong nước và cung cấp thức ăn cho gia súc, để chuyển hóa thành thịt, trứng, sữa và các sản phẩm của sữa là những chất dinh dưỡng tối cần thiết cho cơ thể.

- Cây lương thực còn cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến rượu bia, xay xát, bánh kẹo và ảnh hưởng tới sự phân bố các xí nghiệp đó.

- Sản xuất lương thực còn có tác dụng thúc đẩy việc đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất lớn, hình thành các vùng chuyên môn canh cây công nghiệp trên quy mô rộng lớn.

Hiện nay lương thực và thực phẩm là vấn đề góp phần quan trọng để ổn định và phát triển kinh tế, quốc phòng và xuất khẩu.

b) Các đặc điểm phân bố sản xuất cây lương thực : Cây lương thực có địa bàn phân bố rất rộng rãi, thường trùng với địa bàn phân bố dân cư và chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tại chỗ.

- Lúa là loại cây phải phân bố gần nguồn nước, và ưu tiên những diện tích có độ dốc thấp, tầng màu dày. Tại nước ta hiện nay các đất có độ dốc 15o trở xuống có tầng màu dày từ 0,35cm trở lên được sử dụng ưu tiên cho cây lúa (một số cây ngắn ngày)

- Cây lương thực (trừ sắn) đều có thời vụ ngắn, khi phân bố phải chú ý tới việc xen canh, tăng vụ, rút ngắn thời vụ, đồng thời tùy theo điều kiện khí hậu, địa hình, thủy văn, thổ nhưỡng của từng vùng mà lựa chọn một cơ cấu cây lương thực thích hợp.

- Cây lương thực có nhiều sản phẩm, phụ phẩm phục vụ tốt cho chăn nuôi, do đó phân bố cây lương thực phải kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm. Cây lương thực thường khó bảo quản và chuyên chở, vì vậy, phân bố cây lương thực cũng cần kết hợp với chế biến và vận chuyển kịp thời.

b) Tình hình phát triển và phân bố trồng cây lương thực : Trong mấy năm gần đây do chính sách đổi mới trong sản xuất nông nghiệp (như khoán ruộng đất cho từng hộ), áp dụng các biện pháp cải tiến gieo trồng, nên diện tích, sản lượng và năng suất cây trồng ngày càng tăng.

Diện tích, năng suất, sản lượng cây lương thực qua một số năm

Năm	Diện tích (triệu ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (triệu tấn)
1930	4,3	12,1	5,2
1940	4,7	12,4	5,8
1960	4,6	19,9	9,1
1970	4,7	21,5	10,2
1980	5,5	21,5	11,7
1985	6,8	27,8	18,6
1990	7,0	31,9	21,5
1993	7,7	33,3	25,4

Dựa vào những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi nhất đối với cây lương thực, ở nước ta hình thành 3 vùng trồng lương thực chủ yếu - tập trung cao trên một qui mô rộng :

* *Đồng bằng sông Cửu Long (đồng bằng Nam Bộ)*, với các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi, có tiềm năng lớn trở thành vựa lúa của Việt Nam.

- Diện tích trồng lúa mới đạt 50% diện tích (diện tích đồng bằng > 5 triệu ha).
- Năng suất bình quân chưa cao trên dưới 36 tạ/ha, nhưng tương đối ổn định.
- Nhờ canh tác trên diện tích rộng, nên sản lượng lúa trung bình đã lên tới gần 10 triệu tấn, có năm được mùa sản lượng hơn thế và chiếm hơn 1/2 tổng sản lượng lúa của cả nước.

Vùng lúa đồng bằng sông Cửu Long, nhất là Tây Nam Bộ đang trở thành vùng lúa có tỷ trọng hàng hóa lớn nhất và có ý nghĩa quan trọng bậc nhất về cơ sở lương thực ở nước ta.

* *Đồng bằng châu thổ sông Hồng*, một châu thổ rộng thứ hai và cũng là vùng lúa quan trọng thứ hai trong cả nước. Đây là vùng được khai thác sớm nhất (có thể trên 6000 năm).

- Diện tích trồng lúa chiếm gần 60% diện tích tự nhiên của châu thổ (1,7 triệu ha) và sản ra khoảng 1/4 sản lượng lúa của cả nước.
- Diện tích trồng lúa chiếm gần 60% diện tích tự nhiên và sản xuất khoảng 1/4 sản lượng lúa của cả nước.
- Năng suất trung bình đạt 40 tạ/ha, một số vùng đã đạt năng suất khá cao so với bình quân chung tới trên 50 tạ/ha.

* *Các đồng bằng Duyên hải miền Trung*, là những đồng bằng bị chia cắt bởi những nhánh núi đâm ngang ra biển.

- Diện tích trồng lúa hàng năm khoảng trên dưới 1 triệu ha.
- Sản lượng vào khoảng trên 2 triệu tấn, chiếm gần 10% tổng sản lượng lúa của cả nước.

* *Trong số đó đồng bằng miền Trung*, đồng bằng Thanh Hoá và Nghệ - Tĩnh là quan trọng nhất, sau đó đến đồng bằng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

* Ngoài 3 vùng lúa quan trọng trên, chúng ta còn có các khu vực trồng lúa nước (dọc thung lũng các sông) và lúa rẫy trên các vùng miền núi, trung du :

- Tổng diện tích gieo trồng gần 0,5 triệu ha,
- Sản lượng hàng năm vào khoảng trên 1 triệu tấn,
- Năng suất thấp - 20 tạ/ha.

Do dân số và mật độ của các đơn vị hành chính kinh tế có khác nhau nên bình quân về sản lượng lương thực theo đầu người có khác đi, ảnh hưởng đến việc xuất khẩu nhập lương thực giữa các vùng và vai trò chuyên môn hóa loại sản phẩm này cũng không hoàn toàn tùy thuộc ở diện tích và sản lượng lương thực thu hoạch hàng năm :

- *Các tỉnh có sản lượng lương thực lớn*, bình quân sản lượng lương thực theo đầu người cao trên mức trung bình của cả nước (300 kg/người/năm, là những tỉnh có khả năng lương thực, là vùng chuyên môn hóa loại sản phẩm này. Các tỉnh đó

là: Hải Hưng, Thái Bình và 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (trừ Bến Tre) có bình quân sản lượng lương thực trên 600kg/người (trong đó 95% là thóc).

- Một số tỉnh có sản lượng lương thực bình quân trên mức trung bình của cả nước, nhưng trong đó tỷ lệ thóc lại thấp dưới mức trung bình, hoặc quy mô sản lượng nhỏ, cũng có vai trò đáng kể về mặt xuất khẩu và chuyên môn hóa sản xuất lương thực (Lai Châu đạt bình quân lương thực 350 kg/người, nhưng tỷ lệ màu cao).

- Các tỉnh và thành phố nhập nhiều lương thực hàng năm là: Hà Nội (1/2 nhu cầu), thành phố HCM (4/5 nhu cầu), Quảng Ninh (1/2 nhu cầu); các tỉnh phải nhập 30% nhu cầu lương thực là: Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

- Số tỉnh còn lại như là những vùng tự túc được lương thực và có khả năng xuất khẩu loại sản phẩm này không có vai trò gì đáng kể đối với nền kinh tế địa phương.

VI.5.2 Ngành trồng cây công nghiệp

Cây công nghiệp có hai nhóm lớn:

- * Cây hàng năm gồm bông, dâu, gai, cói, lạc, mía, đậu tương, thuốc lá, rau,...

- * Cây lâu năm gồm có nhiều loại phong phú như chè, cao su, cây ăn quả, cây lấy dầu và dược liệu...

a) Vai trò của cây công nghiệp : Cây công nghiệp là một nhóm cây nhiều chủng loại, cung cấp những nông phẩm có giá trị như đường, dầu thực vật, nguyên liệu kỹ thuật (tơ sợi, nhựa, dầu kỹ thuật), các chất hương vị và dược liệu. Cây công nghiệp ở nước ta còn cung cấp nhiều sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao trên thế giới. Các vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn cũng ảnh hưởng tới sự hình thành cơ cấu cây trồng và vật nuôi trong vùng.

b) Những đặc điểm phân bố cây công nghiệp : Cây công nghiệp hàng năm nên phân bố ở các vùng đất có độ dốc thấp, ở các vùng đồng bằng có thể xen canh, gối vụ với các cây lương thực.

- Cây lâu năm nên phân bố thành những vùng chuyên canh rộng lớn, trên những diện tích có lớp thổ nhưỡng thích hợp với từng loại, với tầng màu vừa phải (0,30cm) và độ dốc tương đối cao hơn độ dốc của đất trồng cây lương thực và cây công nghiệp hàng năm (từ 15 đến 25 độ).

- Cây công nghiệp có nhiều loại với những đặc điểm sinh thái khác nhau đòi hỏi những địa bàn phân bố khác nhau, do đó khi phân bố cần lựa chọn, cân nhắc và tận dụng mọi địa bàn thích hợp để sử dụng đất đai có lợi nhất nhằm tạo ra khối lượng và giá trị sản phẩm cao nhất.

- Phân bố cây công nghiệp phải chú ý tới nguồn lao động và truyền thống nghề nghiệp của dân cư vì vậy cây công nghiệp cần nhiều công nhân thành thạo, có

kỹ thuật, có tập quán và kinh nghiệm, hao phí nhiều lao động trên một đơn vị diện tích.

- Số ngày công lao động trên một đơn vị diện tích trồng cây công nghiệp nói chung gấp 2-3 lần số ngày công trong trồng cây lương thực, điều kiện cơ giới hóa khó khăn hơn, vì vậy trong việc mở rộng diện phân bố cây công nghiệp phải tính đến việc phân bố lại nguồn lao động, sử dụng hợp lý các nguồn lao động trong đó theo thời vụ.

- Cây công nghiệp lâu năm đòi hỏi nhiều vốn đầu tư, lâu thu hồi, nên khi phân bố cần điều tra tính toán tỉ mỉ hiệu quả sử dụng đất, vốn, lao động sao cho phù hợp với các điều kiện tự nhiên, kinh tế tương đối lâu dài, ổn định thì mới bảo đảm hiệu quả kinh tế và tránh những hiệu quả xấu.

c) Tình hình phát triển, phân bố cây công nghiệp ở Việt Nam : Trước Cách mạng tháng Tám, cây công nghiệp ở nước ta trồng phân tán, quy mô nhỏ và tổng diện tích không lớn (dưới 3% diện tích canh tác).

Năm 1993 diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả và rau đậu ở nước ta đã lên tới trên 2,1 triệu ha và phân tán như sau (% trong tổng diện tích các loại cây trồng):

	1976	1986	1990	1993		
Cây công nghiệp hàng năm	4,1		6,9		6,3	6,0
Cây công nghiệp lâu năm	2,6		5,7		6,8	7,6
Cây ăn quả	1,3		3,0		3,1	3,0
Rau đậu		3,3		4,7	4,7	4,8

Về giá trị sản lượng, các loại cây này chiếm gần 30% giá trị sản lượng ngành trồng trọt.

1) *Cây công nghiệp hàng năm* ở nước ta có các cây chủ yếu như: bông, đay, gai, cói, thầu dầu, đậu tằm, mía, lạc, đậu tương, vừng, thuốc lá,... Trong số các cây này thì lạc, mía và đậu tương là những cây dẫn đầu về diện tích các loại cây hàng năm hiện nay, chiếm 2/3 tổng diện tích các loại cây công nghiệp hàng năm.

* *Lạc* là loại cây có giá trị đặc biệt, cung cấp thức ăn giàu đạm và chất béo thực vật, sinh tố và có giá trị xuất khẩu, tăng thêm lượng phân bón, cải tạo đất, thêm nguồn thức ăn cho gia súc. Tại Việt Nam lạc được trồng ở hầu hết khắp nơi:

- Tổng diện tích đã trên 20 vạn ha và năng suất trung bình trên 9 tạ/ha, sản lượng hàng năm trên 20 vạn tấn.

- Những tỉnh có diện tích lạc lớn (từ 10 ngàn ha trở lên) là: Thanh Hóa, Gia Lai, Kontum, Đắk Lắk, Nghệ An, Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai, Long An.

- Trong số đó: Nghệ An và Tây Ninh là hai tỉnh dẫn đầu cả nước (mỗi tỉnh trên 20 ngàn ha), với năng suất 10-11 tạ/ha. Các tỉnh đồng bằng Nam Bộ có năng suất lạc cao hơn nhưng diện tích dành cho cây lạc chưa nhiều : tổng diện tích lạc

của tất cả 10 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (kể cả Long An) cũng chưa bằng diện tích lạc của Nghệ An hoặc Tây Ninh.

* *Mía* là cây công nghiệp hàng năm đứng hàng thứ hai về diện tích (gần 13 vạn ha). Mía là nguồn nguyên liệu quan trọng cho các ngành chế biến đường, giấy, rượu, tơ sợi...Mía ở nước ta có thể trồng quanh năm ở nhiều nơi :

- Các tỉnh có diện tích lớn (trên 8 ngàn ha) là: Quảng Ngãi, Bình Định, Đồng Nai, Tây Ninh, Bến Tre, Hậu Giang (chiếm 1/3 diện tích mía cả nước).

- Một số tỉnh ở Bắc Bộ (Vĩnh Phú, Hà Tây, Nam Hà), ở Trung Bộ (Nghệ An, Quảng Nam - Đà Nẵng, Phú Yên), miền Đông Nam Bộ (Tp Hồ Chí Minh, Sông Bé) và hầu hết các tỉnh đồng bằng Nam Bộ đều có trồng nhiều mía.

- Các tỉnh phía Nam chiếm 80% diện tích mía và 85% sản lượng mía. Riêng 10 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã chiếm gần 40% diện tích và 45% sản lượng mía cả nước, trong đó Bến Tre và Hậu Giang là hai tỉnh dẫn đầu về năng suất mía (trên 500 tạ/ha).

- Sản lượng mía năm 1992 đạt 6,1 triệu tấn.

* *Đậu tương* là cây đứng hàng thứ ba diện tích các cây công nghiệp hàng năm ở nước ta. Đậu tương cung cấp thức ăn giàu đạm và chất béo, phục vụ chăn nuôi. Đậu tương được gieo trồng phổ biến trong cả nước với diện tích 10 vạn ha, năng suất trung bình 8 tạ/ha (riêng các tỉnh đồng bằng Nam Bộ đạt tới 9-10 tạ/ha).

- Cây đậu tương ở các tỉnh phía Bắc đã có thể đứng ổn định từ hơn 20 năm nay với tổng diện tích trên 40 ngàn ha.

- Tại các tỉnh phía Nam, đậu tương đang được phát triển mạnh từ sau năm 1975. Đồng Nai là tỉnh dẫn đầu về diện tích (1/3 diện tích đậu tương cả nước) và về sản lượng (28% sản lượng cả nước) rồi đến Hà Bắc.

- Năng suất đậu tương ở hầu hết các tỉnh phía bắc dưới mức trung bình, vì vậy nên phát triển thêm diện tích đậu tương ở các tỉnh phía Nam: năng suất đậu tương ở An Giang, Đồng Tháp đạt xấp xỉ 2 lần mức trung bình cả nước. Sản lượng: 8,5 vạn tấn/năm.

* *Thuốc lá* là cây công nghiệp hàng năm đã được phát triển mạnh. Thuốc lá chỉ thích hợp với các vùng đất xốp, pha cát, cao, ẩm độ ổn định. Diện tích cây thuốc lá ở nước ta đã tăng lên nhưng năng suất chưa cao.

Các vùng thuốc lá chủ yếu của Việt Nam là:

- Ngoại thành Hà Nội, Hà Bắc, Nam Hà (đều trên 2 ngàn ha), Lạng Sơn, Quảng Bình, Thừa Thiên, Đồng Nai, Phú Yên, Thuận Hải cũng là những tỉnh có nhiều thuốc lá (trên 1 ngàn ha).

- Ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Ninh Thuận, Bình Thuận là những nơi đạt năng suất cao và ổn định về thuốc lá (15- 20 tạ /ha).

- Tổng diện tích thuốc lá của Việt Nam năm 1992 là 32 ngàn ha và sản lượng là 29,7 ngàn tấn.

* *Bông, đay, cói, dâu tằm* là những cây hàng năm cung cấp nguyên liệu cho ngành sợi dệt. Bông và đay là hai loại cây đã được phát triển nhiều từ trước. Năm 1994, diện tích đã lên tới 18 ngàn ha và riêng đay, dệt xuất tăng vọt lên tới 17000 ha.

- Năm 1962-1963 ở miền Bắc chúng ta đã mở rộng diện tích bông lên tới 18- 19 ngàn ha, nhưng năng suất không cao (trên dưới 3 tạ/ha), nên diện tích bông ngày càng thu hẹp lại, cho đến nay chỉ còn hơn 19 ngàn ha trên cả nước. Các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Ninh Thuận, Bình Thuận chiếm 1/ 2 diện tích và sản lượng bông cả nước.

- Cây đay từ trước chỉ được phát triển ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa là chủ yếu: Hải Hưng, Thái Bình, Nam Hà chiếm 82% diện tích cả nước và 88% sản lượng. Cây đay đang được mở rộng diện tích trên đồng bằng sông Cửu Long làm cho diện tích đay cả nước trên 13 ngàn ha.

- Cói và dâu tằm là hai loại cây đang được chú trọng phát triển. Trong số 16.900 ha cói, thì 68,5% là được phân bố ở các tỉnh phía Bắc và tập trung ở Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa (gần 1/ 2 diện tích và hơn 60% sản lượng cả nước). Hải Phòng, Hải Hưng và Đồng Tháp cũng là những tỉnh có nhiều cói. Diện tích dâu tằm đang được mở rộng trên cả hai miền và đạt 22 ngàn ha.

2) *Cây công nghiệp lâu năm* ở nước ta có các loại chủ yếu như cao su, dừa, chè, cà phê, trẩu, sỏ, sơn, hồ tiêu. Trong số các cây này thì cao su, dừa và chè chiếm 85% diện tích cây công nghiệp lâu năm của cả nước.

- * *Cao su* là loại cây cung cấp nguyên liệu quan trọng cho các ngành cơ khí, hóa chất và chế biến hàng tiêu dùng xuất khẩu có giá trị cao.

- Cây cao su đã được phát triển mạnh từ trước, năm 1944 đã chiếm một diện tích lớn nhất trong các loại cây công nghiệp ở nước ta với 108 ngàn ha.

- Trong những năm 1960 ở miền Bắc nước ta có phát triển cây cao su nhưng hiệu quả kinh tế không cao vì điều kiện khí hậu và đất đai không thích hợp với loại cây này.

- Cũng trong thời gian đó, ở miền Nam, cây cao su đã được mở rộng diện tích, có năm lên tới trên 120 ngàn ha. Nhưng qua những năm 1970 thì diện tích cao su ở cả hai miền có giảm đi, đến năm 1970 thì diện tích cao su ở miền Bắc là 4,5 ngàn ha và miền Nam 70,5 ngàn ha.

- Hiện nay chúng ta đang tăng cường đầu tư mở rộng diện tích cao su, chủ yếu là ở miền Đông Nam Bộ. Diện tích cao su năm 1990 đã đạt 215 ngàn ha, trong đó 95% là tập trung ở các tỉnh phía Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

- * *Chè* là loại cây thích hợp với khí hậu và đất đai ở các miền đồi núi và cao nguyên ở nước ta. Chè là loại cây thường dùng hàng ngày trong nhân dân và có giá trị xuất khẩu.

- Chè được chú trọng phát triển mạnh ở miền Bắc nước ta từ những năm 70.

- Diện tích chè năm 1990 đạt 59 ngàn ha. Các vùng chè tập trung ở các tỉnh trung du và miền núi Bắc Bộ, Nghệ An và Lâm Đồng.

- * *Dừa* là một loại cây cung cấp và dầu ăn công nghiệp có giá trị cao, cung cấp nguyên vật liệu cho ngành thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

- Dừa ở nước ta hiện nay là cây đứng thứ hai (sau cao su) về diện tích gieo trồng (trên 200 ngàn ha).

- Hơn 90% diện tích dừa được phân bố ở các tỉnh phía Nam mà chủ yếu là các vùng dọc Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ (Tiền Giang, Bến Tre).

- Diện tích và sản lượng dừa còn có thể tăng lên nhiều nếu có quy hoạch và cải tạo giống.

- * Cà phê cũng là một loại cây đặc sản nhiệt đới có giá trị xuất khẩu cao.

- Dưới thời Pháp thuộc, cà phê cũng đã được phát triển với diện tích khá lớn, có năm lên tới gần 10 ngàn ha.

- Tại miền Bắc trong những năm 1960 ta đã đưa diện tích cây cà phê lên trên 10 ngàn ha, nhưng qua những năm 70 thì diện tích cây này giảm xuống chỉ còn dưới 5 ngàn ha.

- Hiện nay cả nước có 123,1 ngàn ha cà phê, trong đó 80% diện tích là ở miền Nam (các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ).

- * Trâu, sỏ, sơn là những cây công nghiệp lâu năm có diện tích khá lớn và cung cấp nguyên liệu đặc biệt cho ngành hóa chất, 100% diện tích các cây này nằm ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

3) Cây ăn trái chủ yếu ở nước ta là cam, chanh, dứa, chuối, diện tích lớn, trồng tương đối tập trung có giá trị chế biến và xuất khẩu.

- Các vùng hoa quả lớn ở nước ta là Lào Cai, Vĩnh Phú (dọc sông Hồng), Hà Bắc (Bồ Hả), Nghệ An, Thanh Hóa, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Ngoài các loại quả trên còn có nhãn, vải, xoài cũng là những cây có giá trị chế biến công nghiệp và xuất khẩu cao. Trong 15 năm qua (1976-1990) diện tích cây ăn quả đã tăng 3 lần, đạt 285.000 ha.

4) Rau và đậu là những cây cung cấp thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, cần thiết cho các khu vực tập trung dân cư, các thành phố và khu công nghiệp lớn.

- Các loại rau (không kể khoai tây) đã được đặc biệt phát triển ở các tỉnh phía Bắc: diện tích rau không ngừng tăng lên với tốc độ nhanh, trong 10 năm qua (1980-1990) diện tích rau tăng lên 1,4 lần.

- Sự phát triển của các thành phố lớn và các khu công nghiệp mới đã kéo theo sự phát triển các vành đai xanh rộng lớn: sự phân bố các loại rau gắn liền với sự phân bố các vùng tập trung đông dân cư, xung quanh các thành phố lớn vì nhu cầu tiêu thụ của thị trường: Hà Nội, thành phố HCM, Hải Hưng, Nghệ An, Nam Hà là những nơi dẫn đầu về diện tích rau (13- 15 ngàn ha).

- Những nơi có diện tích rau 8 - 13 ngàn ha là: Vĩnh Phú, Hà Bắc, Hà Tây, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế.

- Các tỉnh miền núi (kể cả Lào Cai với vùng rau Sapa và Lâm Đồng với vùng rau Dalat), và hầu hết các tỉnh phía Nam đều có ít rau. Sự phân bố các loại đậu (không kể đậu tương) thì không phụ thuộc vào các trung tâm dân cư, mà được phân bố khá đồng đều giữa hai miền Đồng Nai và Nghệ An là hai tỉnh có diện tích các loại đậu lớn nhất (trên 10.000 ha), còn Hải Phòng, Quảng Ninh và Bến Tre, Kiên Giang là những nơi có ít đậu (dưới 1000 ha).

Nhìn chung lại, về phân bố các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và rau đậu ở nước ta, có nét đáng chú ý là vừa tập trung cao, chuyên canh lớn, vừa phân tán trong nhân dân, tận dụng đất đai, bờ bãi nhỏ hẹp. Điều đó ảnh hưởng tới sự hình thành những nét đặc thù về chuyên môn hóa sản xuất giữa các vùng.

VI.5.3 Chăn nuôi gia súc và gia cầm

a) Vai trò của ngành chăn nuôi: Các sản phẩm của ngành chăn nuôi rất cần thiết đối với việc nuôi dưỡng cơ thể và phục vụ sinh hoạt (da, lông thú) của nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu có giá trị.

- Chăn nuôi có những loại phát triển độc lập với ngành trồng trọt như nghề nuôi hươu nai trong rừng, cừu trên đồng cỏ tự nhiên, tôm, cá, ong ở vùng tràm được. Nhưng đa số các ngành chăn nuôi có liên quan chặt chẽ với ngành trồng trọt (nguồn thức ăn) đặc biệt là các nghề chăn nuôi lấy thịt, sữa và trứng.

- Đồng thời chăn nuôi trở thành một loại phân xưởng sinh hóa của ngành trồng trọt, chuyển hóa những lương thực rẻ tiền và phế thải của ngành trồng trọt thành những thức ăn có giá trị cho nhân dân, do đó nâng cao hiệu quả của ngành trồng trọt, cho phép mở rộng các diện tích chăn thả và trồng trọt. Ở nước ta, chăn nuôi còn đóng góp một lượng phân bón và sức kéo to lớn cho ngành trồng trọt, làm tăng năng suất cây trồng.

b) Những đặc điểm của ngành chăn nuôi : Phân bố các cơ sở chăn nuôi cần xác định nhu cầu và bố trí một lực lượng lao động ổn định, từ khâu gieo trồng, chế biến thức ăn cho gia súc tới khâu chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, như vậy mới bảo đảm sản xuất ổn định.

- Chăn nuôi có thể tạo ra nhiều giá trị khác nhau: sức kéo, phân bón, thịt sữa, trứng, bơ, da, lông. Tùy theo nhu cầu và mục đích mà xác định cơ cấu, quy mô các vật nuôi trong mỗi vùng, phù hợp với các điều kiện tự nhiên kinh tế của vùng.

- Ở nước ta hiện nay, những vùng còn thiếu nhiều sức kéo, phân bón hữu cơ, lại có sẵn đồng cỏ, cây thức ăn thiên nhiên và đất trồng cây thức ăn, đồng cỏ chăn thả thì nên phân bố các loại gia súc lớn. Ở những tập trung cây công nghiệp và các thành phố lớn nên phân bố các cơ sở nuôi heo và gia cầm, bò thịt và bò sữa.

- Các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa, da...) rất cần được chế biến và vận chuyển kịp thời, vì vậy cần phân bố các cơ sở chăn nuôi gần các khu vực tiêu thụ, chế biến, có các phương tiện vận chuyển thích hợp.

c) Tình hình phát triển và phân bố ngành chăn nuôi ở nước ta : Ngành chăn nuôi ở nước ta được phát triển và phân bố cân đối trên cả hai miền. Riêng về thủy sản thì các tỉnh phía Nam chiếm 70% giá trị sản lượng. Các vật nuôi chủ yếu ở nước ta:

- Chăn nuôi gia súc: trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu,... chủ yếu tại các vùng đồng cỏ lớn, hoặc tại các nhà dân, nhằm cung cấp sức kéo, thịt, sữa và da.

- Chăn nuôi gia cầm : gà, vịt, ngan, ngỗng,... trong khu vực nhà dân hoặc các vùng đầm, phá, ruộng lúa nước, cung cấp thịt, trứng và lông.

Giá trị sản lượng ngành chăn nuôi (tỷ đồng)

	Tổng số	Gia súc lấy thịt	Gia cầm lấy thịt	Không lấy	Thủy sản

				thịt	
1985	3 060	1 578	513	321	508
1986	3 359	1 785	529	360	534
1987	3 617	1 956	530	416	552
1988	3 496	1 832	555	381	572
1989	3 735	1 989	596	391	606
1990	3 820	2 027	615	418	596
1991	3 847	2 000	618	447	620
1992	4 276	2 261	691	518	635
1993	4 462	2 320	712	575	855

Nói chung, để phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, toàn diện và đáp ứng đầy đủ kịp thời nhu cầu của nhân dân về lương thực, thực phẩm, nước ta cần chú ý hơn nữa vấn đề chăn nuôi.

⌘⌘⌘⌘⌘⌘⌘⌘⌘⌘

CHƯƠNG VII . TỔ CHỨC LÃNH THỔ LÂM - NGƯ NGHIỆP VIỆT NAM

VII.1 NGÀNH LÂM NGHIỆP

VII.1.1 Vai trò của lâm nghiệp trong việc phát triển và phân bố sản xuất

Khác với mỏ khoáng sản, nếu được khai thác sử dụng hợp lý, rừng là nguồn tài nguyên có khả năng tái sinh liên tục. Ở nước ta, vai trò quan trọng của lâm nghiệp được biểu hiện cụ thể như sau :

- Lâm nghiệp cung cấp nguyên vật liệu cho nhiều ngành công nghiệp, như cung cấp gỗ cho ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, sơn và nhựa cho công nghiệp hóa chất, nguyên liệu công nghiệp giấy, gỗ chống lò cho công nghiệp khai khoáng,...
- Lâm nghiệp cung cấp nguyên liệu làm một số phương tiện giao thông vận tải để đóng tàu thuyền, toa xe, làm cầu, ...
- Lâm nghiệp cung cấp nhiều mặt hàng xuất khẩu có giá trị như gỗ, măng, nấm hương, mộc nhĩ,... tăng nguồn ngoại tệ cho nhà nước cũng như cho nhu cầu của nhân dân về thực phẩm.
- Đối với nông nghiệp, rừng có tác dụng phòng hộ, chống lũ tập trung quá nhanh, chắn chống gió, bão, lụt và chống xói mòn.

Ngoài ra rừng còn có tác dụng điều hòa khí hậu, làm cho không khí trong sạch, chữa bệnh, tăng cường sức khỏe và kéo dài tuổi thọ của con người. Rừng còn tạo ra nhiều nơi có phong cảnh khí hậu tốt để làm nơi phát triển ngành du lịch, tham quan nghỉ mát.

VII.1.2 Tình hình phát triển lâm nghiệp ở nước ta

Nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực gió mùa Đông Nam á, nên rừng Việt Nam phổ biến là rừng nhiệt đới, bên cạnh đó, có pha tạp thêm các khu rừng rậm nhiệt đới và ôn đới trên núi cao và các khu rừng ven biển. Do đó, tài nguyên rừng của nước ta rất phong phú và đa dạng.

a) Tình hình tài nguyên rừng nước ta

*** Diện tích các loại rừng và đất rừng ở nước ta**

Tổng diện tích rừng, đồi núi, đất hoang, bãi cát không còn rừng là 20.178.900 ha chiếm 61,3 % so với diện tích tự nhiên của các nước, phân chia như sau :

Diện tích có rừng	9,581 (triệu ha)	29,1 %
Rừng trung bình và giàu	3,317	10,1
Rừng nghèo	2,057	6,2
Rừng phòng hộ	1,957	5,9
Rừng trồng	0,092	0,3
Rừng đặc sản	0,027	0,1
Rừng thông	0,358	1,1
Rừng đước	0,245	0,7
Rừng tràm	0,200	0,6
Rừng cây bụi	0,155	0,5
Rừng tre nứa	1,170	3,6
Diện tích không còn rừng	10,596	32,2
Đất trống, đồi trọc, bụi	0,304	1,0
Bãi lầy mặn	0,090	0,2

Như vậy, diện tích đất hiện có rừng của nước ta chỉ chiếm 29,1% so với diện tích tự nhiên. Điều này nói lên tỷ lệ che phủ của rừng nước ta thấp, phân bố không đều.

Diện tích đất rừng không còn rừng trên 10 triệu ha đòi hỏi chúng ta phải trồng rừng nhằm tái tạo rừng, bảo vệ và cải tạo môi trường, đồng thời tăng nguồn lâm sản cho đất nước.

*** Trữ lượng gỗ ở nước ta:**

Tổng trữ lượng gỗ	800,0 (triệu m3)	100,0 %
Rừng trung bình và giàu	403,6	50,5
Rừng nghèo	98,6	12,3
Rừng thông	25,9	3,2
Rừng đước	26,0	3,2
Rừng tràm	20,6	2,6
Rừng phòng hộ	204,8	25,6
Rừng cây mọc rải rác	19,1	2,4

Trữ lượng gỗ trên đây phân bố khá chênh lệch giữa các địa phương trong nước :

- Những tỉnh có dưới 10 triệu m³ trữ lượng gỗ là Hà Bắc, Quảng Ninh, Lai Châu,
- Từ 10 đến 20 triệu m³ là Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Thanh Hoá, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai,

• Trên 50 triệu m³ là : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum,...

Về phân bố các loại rừng :

- Rừng trung bình và giàu phân bố ở vùng cao các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Tây Nghệ An, Quảng Bình, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ,
- Rừng đước, tràm phân bố ở Đồng bằng sông Cửu Long,
- Rừng phòng hộ có trữ lượng gỗ khá lớn, hầu hết phân bố ở đầu nguồn các dòng sông, nơi có độ dốc cao.
- Rừng thông có ở một vùng núi cao: Dalat, Sapa, Dãy Hoàng Liên Sơn,

*** Trữ lượng rừng tre nứa ở nước ta**

Tổng diện tích rừng tre nứa của nước ta là 1,2 triệu ha, với tổng trữ lượng là hơn 11 tỷ cây, tương đương trên 30 triệu tấn. Nước ta có đến trên 60 loài tre, nứa,...

Trong diện tích và trữ lượng rừng tre ở nước ta

	Diện tích (%)	Trữ lượng (%)
Nứa	30,0	45,4
Giang	16,6	8,3
Vàm	16,6	8,3
Tre luồng	8,4	5,5
Các loại khác	35,0	19,7
Tre nứa rải rác		3,8

Rừng tre nứa phân bố nhiều ở Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phú, Bắc Thái, Đồng Nai.

b) Tình hình khai thác, trồng rừng và bảo vệ rừng ở nước ta : Tài nguyên rừng nước ta rất phong phú. Rừng gắn bó với cuộc sống hàng ngày của nhân dân và gắn liền với công cuộc kiến thiết đất nước.

• Về khai thác rừng : năm 1975 cả nước khai thác được 1,3 triệu m³ gỗ tròn, đến năm 1992 cả nước khai thác được 1,55 triệu m³ gỗ tròn. Tính bình quân đầu người năm 1975 đạt 0,026 m³, năm 1992 đạt 0,022 m³ gỗ tròn khai thác.

• Trồng rừng : đi đôi với khai thác, chúng ta còn tiến hành trồng rừng. Từ năm 1970 đến 1990, hàng năm chúng ta trồng được hơn 65000 ha, trong số đó có rừng thông, rừng bồ đề, rừng mỡ, rừng phi lao,...

- + Rừng thông, chủ yếu trồng thông lấy nhựa ở Nghệ An, Quảng Ninh.
- + Rừng bồ đề trồng chủ yếu ở Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang để phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp giấy.
- + Rừng phi lao trồng chủ yếu ở ven biển từ Thái Bình đến Bình Thuận.
- + Ở Nam Bộ, chúng ta có trồng rừng đước, rừng tràm.

Các khu rừng quốc gia cần bảo vệ :

- * Rừng Cúc Phương (Ninh Bình), diện tích 24.000 ha, có trên 2000 loài cây cỏ, nhiều thú quý và trên 140 loài chim.
- * Khu đền Hùng (Vĩnh Phú) diện tích gần 200 ha.
- * Khu Phắc Phó (Cao Bằng), diện tích 3000 ha.
- * Đảo Cát Bà (Quảng Ninh), diện tích 1800 ha.
- * Khu Ba Vì (Hà Tây), diện tích 2000 ha
- * Khu Tam Đảo (Vĩnh Phú), diện tích 19.000 ha
- * Khu Sa Pa (Lào Cai), diện tích 200 ha
- * Rừng thông Dalat,
- * Nam Cát Tiên
- * Rừng tràm U Minh (Kiên Giang)
- * Rừng đước Năm Căn (Minh Hải)
- * Rừng đảo Phú Quốc

Hướng trồng rừng là nhằm hình thành các vùng rừng cây tập trung cho nhu cầu công nghiệp (gỗ trụ mỏ, gỗ làm giấy,...), phủ xanh đồi trọc, khôi phục và trồng kín rừng ở vùng bờ biển, khoanh nuôi và gây trồng các khu rừng đầu nguồn.

VII.1.3 Phương hướng phát triển và khai thác lâm nghiệp nước ta

Để khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên rừng nước ta có hiệu quả, đồng thời bảo vệ, cải tạo được chúng, một phương án phân vùng kinh tế lâm nghiệp đã được hình thành. Cả nước chia ra làm 9 vùng kinh tế lâm nghiệp như sau :

1) *Vùng lâm nghiệp Tây Bắc*: bao gồm 2 tỉnh Lai Châu và Sơn La, với nhiệm vụ chủ yếu là phòng hộ đầu nguồn sông Đà, sông Mã, cung cấp gỗ, đặc sản rừng, tạo một nguồn nguyên liệu giấy, sợi. Các loại cây trồng chủ yếu là : thông ba lá, mỡ, sa mộc, thông mã vĩ, bạch đàn, xoan, cánh kiến, giổi, tre,...

2) *Vùng lâm nghiệp trung tâm* : gồm các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phú, Hoà Bình, Hà Tây. Vùng này có nhiệm vụ cung cấp gỗ lớn, đặc sản rừng, gỗ và tre nứa làm nguyên liệu giấy, sợi và phòng hộ đầu nguồn của sông Lô, Sông Cầu, Sông Chảy. Các loại cây trồng chủ yếu của vùng : thông ba lá, mỡ, bồ đề, sa mộc, thông nhựa, bạch đàn, quế, tre, trẩu,...

3) *Vùng lâm nghiệp Đông Bắc*: gồm 5 tỉnh Quảng Ninh, Bắc Thái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Bắc. Vùng này có nhiệm vụ chủ yếu là cung cấp gỗ quý, đặc sản rừng, gỗ chống lò cho khu mỏ than Quảng Ninh, Mỏ sắt Trại Cau, mỏ thiếc ở Cao Bằng. Các loại cây trồng chính: sa mộc, mỡ, bạch đàn, quế, hồi,...

4) *Vùng lâm nghiệp đồng bằng Bắc Bộ*: gồm các tỉnh Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Hải Hưng, Hà Nội, Hải Phòng. Lâm nghiệp vùng này chủ yếu phòng chống gió bão, cung cấp một phần gỗ, củi. Các loại cây trồng chủ yếu : bạch đàn, phi lao, tre,...

5) *Vùng lâm nghiệp khu 4* : bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế. Vùng này chủ yếu là sản xuất gỗ để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy sợi, đặc sản rừng, phòng hộ đầu nguồn và chống cát bay, bảo vệ đồng ruộng ven biển. Cây trồng chủ yếu : mỡ, giổi, quế, luồng, bồ đề, bạch đàn, phi lao, thông nhựa, thông ba lá.

6) *Vùng lâm nghiệp duyên hải Trung Bộ*: bao gồm các tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Nhiệm vụ cung cấp gỗ lớn, nguyên liệu cho công nghiệp giấy sợi và đặc sản rừng, phòng hộ đầu nguồn và chống cát. Cây trồng chủ yếu: thông nhựa, phi lao, quế, bạch đàn, dừa,...

7) *Vùng lâm nghiệp Tây Nguyên* : bao gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk với nhiệm vụ sản xuất gỗ lớn, gỗ quý và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp giấy sợi, cung cấp đặc sản rừng, bảo vệ thú hoang dại và phòng hộ đầu nguồn. Các cây trồng chủ yếu : thông ba lá, thông nhựa, bạch đàn,...

8) *Vùng lâm nghiệp Đông Nam Bộ* : gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Sông Bé, Đồng Nai và Tây Ninh. Vùng này với nhiệm vụ sản xuất gỗ lớn và quý, sản xuất gỗ làm nguyên liệu giấy, sợi. Trồng cao su, thông lấy nhựa, bảo vệ động vật hoang dại, bảo vệ đầu nguồn nước, hồ. Các loại cây trồng chủ yếu : thông ba lá, thông lấy nhựa, bạch đàn trắng, tếch, sao, gõ, hoành đàn,...

9) *Vùng lâm nghiệp đồng bằng Nam Bộ* : gồm thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nam Bộ. Vùng này có vai trò cung cấp chất đốt cho thành thị và các khu công nghiệp trong vùng. Các loại cây trồng chủ yếu của vùng: đước, sú vẹt, bạch đàn,...

Như vậy, các vùng kinh doanh các sản phẩm chính của lâm nghiệp được phân bố như sau :

- *Vùng kinh doanh gỗ lớn* phân bố chủ yếu ở các tỉnh Tây Bắc, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Sông Bé, Đồng Nai.

- *Các vùng kinh doanh gỗ làm nguyên liệu giấy, sợi* chủ yếu tập trung ở dọc các sông lớn gồm các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Vĩnh Phú, Lai Châu. Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

- *Các vùng kinh doanh gỗ trụ mỏ* chủ yếu tập trung ở các tỉnh Quảng Ninh, Hà Bắc, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái.

- *Các vùng kinh doanh nhựa thông* tập trung ở các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Lâm Đồng.

- *Các vùng kinh doanh tre, nứa* chủ yếu ở các tỉnh Sơn La, Bắc Thái, Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phú, Thanh Hoá, Nghệ An, Sông Bé.

- *Các vùng kinh doanh quế* chủ yếu ở Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nam-Đà Nẵng, Quảng Ngãi,...

- *Các vùng kinh doanh hồi* tập trung ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái.

- *Các vùng kinh doanh cánh kiến đỏ* chủ yếu tập trung ở Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Thanh Hoá, Nghệ An, Tây Nguyên,...